**Câu 1.Hướng dẫn giải**

Chọn A 20 phút.

**Câu 2.Hướng dẫn giải**

Chọn D. N= No x 2n

~1**Câu 3.Hướng dẫn giải**

Chọn C. 4.

**Câu 4.**

**Câu 5.Hướng dẫn giải**

Chọn B. 2. (Giải *thích* : 2 pha: lũy thừa và cân bằng)

**Câu 6.**

**Câu 7.**

**Câu 8.Hướng dẫn giải**

Chọn A. Tiềm phát - Lũy thừa - Cân bằng - Suy vong.

**Câu 9.Hướng dẫn giải**

Chọn B. Tiềm phát.

**Câu 10.Hướng dẫn giải**

Chọn B

**Câu 11.Hướng dẫn giải**

Chọn B

**Câu 12.Hướng dẫn giải**

Chọn A. Lũy thừa.

**Câu 13.Hướng dẫn giải**

Chọn D. Vi khuẩn.

~1**Câu 14.Hướng dẫn giải**

Chọn C. Cân bằng.

**Câu 15.**

**Câu 16.Hướng dẫn giải**

Chọn D. Suy vong

~1**Câu 17.Hướng dẫn giải**

Chọn A. Phân đôi.

*Giải thích:* Vi sinh vật nhân sơ có 2 hình thức sinh sản chủ yếu: phân đôi và bào tử trần.

**Câu 18.Hướng dẫn giải**

Chọn D. Trinh sản.

~1**Câu 19.Hướng dẫn giải**

Chọn A. Trùng roi, amip.

*Giải thích:* Phân đôi: trùng roi, trùng giày, amip, tảo lục đơn bào.

Nảy chồi: nấm men bia.

Vô tính và hữu tính: nấm sợi, tảo đơn bào, một số động vật nguyên sinh.

Bào tử: nấm men, nấm sợi.

**Câu 20.Hướng dẫn giải**

Chọn B. Trùng giày.

**Câu 21.Hướng dẫn giải**

Chọn C. Nấm men bia.

**Câu 22.Hướng dẫn giải**

Chọn D. Độ ẩm.

~1**Câu 23.Hướng dẫn giải**

Chọn D. Chất sát khuẩn.

~1**Câu 24.Hướng dẫn giải**

Chọn A. Axit amin.

*Giải thích:* Nhân tố sinh trưởng là các chất hữu cơ quan trọng mà một số vi sinh vật không tổng hợp được, phải thu nhận trực tiếp từ môi trường như: vitamin, axit amin, các bazo purin, pirimidin…

**Câu 25.Hướng dẫn giải**

Chọn B. Nước.

**Câu 26.Hướng dẫn giải**

Chọn D. Clo.

~1*Giải thích:* Tiết kiệm + hiệu quả cao.

**Câu 27.Hướng dẫn giải**

Chọn D. Gắn vào nhóm SH của prôtêin và làm chúng bất hoạt.

~1**Câu 28.Hướng dẫn giải**

Chọn D. 4 nhóm.

~1*Giải thích:* Gồm 4 nhóm: Ưa lạnh, ưa ấm, ưa nhiệt và ưa siêu nhiệt

**Câu 29.Hướng dẫn giải**

Chọn A. Vi sinh vật ưa ấm.

*Giải thích:* Nhiệt độ cơ thể người và động vật phù hợp với ngưỡng nhiệt của các vi sinh vật ( 20-40 độ C)

**Câu 30.Hướng dẫn giải**

Chọn C. 55-65.

**Câu 31.Hướng dẫn giải**

Chọn A. 20-40.

**Câu 32.Hướng dẫn giải**

Chọn C. Ưa ấm.

*Giải thích:* Do VSV nhóm này có giới hạn nhiệt tương đương nhiệt độ môi trường sống.

**Câu 33.Hướng dẫn giải**

Chọn C. Động vật nguyên sinh.

*Giải thích:* Vì các ion H+ và OH- kìm hãm hoạt động của các enzym trong tế bào.

**Câu 34.Hướng dẫn giải**

Chọn B. 4 - 6.

**Câu 35.Hướng dẫn giải**

Chọn D. 2 - 3.

~1**Câu 36.Hướng dẫn giải**

Chọn A. Tia UV.

*Giải thích:* Tia UV : kìm hãm sự sao mã và phiên mã của vi sinh vật.

**Câu 37.Hướng dẫn giải**

Chọn D. Tia cực tím.

~1*Giải thích:* Tia cực tím= tia UV= tia tử ngoại là sóng điện từ có bước sóng ngắn hơn ánh sáng nhìn thấy nhưng dài hơn tia X

**Câu 38.Hướng dẫn giải**

Chọn D. Độ ẩm.

~1**Câu 39.Hướng dẫn giải**

Chọn C. Nhiệt độ.

**Câu 40.Hướng dẫn giải**

Chọn C. Áp suất thẩm thấu.

**Câu 41.Hướng dẫn giải**

Chọn D. Chất kháng sinh.

~1**Câu 42.Hướng dẫn giải**

Chọn A. Vi khuẩn than.

*Giải thích:* Vi khuẩn than sống ở nơi có điều kiện rất khắc nghiệt. ( pH 2-3). Có lớp vỏ dày và chứa canxi dipicolinat có tác dụng chống lại những điều kiện bất lợi của môi trường.

**Câu 43.Hướng dẫn giải**

Chọn C. Phoocmandehit.

**Câu 44.Hướng dẫn giải**

Chọn A. Độ pH.

**Câu 45.Hướng dẫn giải**

Chọn B. Ánh sáng.

**Câu 46.Hướng dẫn giải**

Chọn B. Trinh sản.

*Giải thích*: Trinh sản: có ở động vật

**Câu 47.Hướng dẫn giải**

Chọn B. Cacbon.

*Giải thích:*

- Làm bộ khung cấu trúc của chất sống

- Cần cho tất cả các hợp chất hữu cơ tạo nên TB.

- Vi sinh vật hóa dị dưỡng nhận cacbon từ các chất hữu cơ.

- Vi sinh vật hóa tự dưỡng và quang tự dưỡng thu cacbon từ CO2.

**Câu 48.Hướng dẫn giải**

Chọn D. Bào tử áo.

~1**Câu 49.Hướng dẫn giải**

Chọn C. Bào tử kín.

*Giải thích:* Bào tử vô tính gồm: Bào tử đốt, bắn, áo (nấm men)

Trần, túi (nấm sợi)

**Câu 50.Hướng dẫn giải**

Chọn B. 180 phút.

*Giải thích:* N = No x 2n =>400 = 50 x 2n => n= 3 (giờ) = 180 phút.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com